

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 19/8/2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hiếu.

2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yên, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 845/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 607/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Thúy K, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1973 .

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Bà K có mặt, ông D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2019, bản tự khai ngày 04/5/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thị Thúy K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông Nguyễn Tiến D tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 30/12/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn và đến khoảng cuối năm 2018 thì trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nguyên nhân là do ông D không lo làm ăn, phụ giúp

gia đình, sống vô tâm không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ nhau, đời sống vợ chồng lâm vào cảnh bế tắc. Từ cuối năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau không bàn bạc đoàn tụ gì. Nay Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và kiên quyết được ly hôn ông D.

Về con chung:

Có 02 cháu, tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/4/2000 và Nguyễn N , sinh ngày 30/4/2003. Cháu T đã trưởng thành, có khả năng lao động, tự lo được cho bản thân, không có nhu cầu cấp dưỡng. Cháu N đang ở với Bà. Nếu ly hôn, Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 25/5/2020, đơn đề nghị ngày 24/6/2020, bị đơn ông D trình bày:

Về quá trình xây dựng gia đình, mâu thuẫn, sống ly thân như bà K trình bày là đúng. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Ông yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt.

Về con chung: Có 02 cháu như bà K trình bày, nếu ly hôn Ông đồng ý để bà K được tiếp tục nuôi cháu N, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông D.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và xử cho bà K được ly hôn ông D.

Giao cháu N cho bà K được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về kiến nghị, khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 17/12/2020, bà K có đơn yêu cầu ly hôn đối ông Nguyễn Tiến D. Theo biên bản xác minh tại Ban Công an xã T thì ông D có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp B, xã T, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch được quy định tại Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/6/2020, ông D có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông D.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết: Quan hệ hôn nhân và gia đình của bà K, ông D được xác lập trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực (ngày 01/01/2015) nên áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông D xây dựng gia đình với nhau vào năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 30/12/2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Nhơn Trạch, do cả hai cùng tự nguyện nên hôn nhân của Ông, Bà được xem là hôn nhân hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn theo quy định tại Điểm c Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội “Về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000”.

Bà K yêu cầu ly hôn, ông D đồng ý thuận tình nhưng do ông vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được và ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định. Xét, mâu thuẫn vợ chồng theo thừa nhận của các đương sự thì phát sinh khoảng 10 năm sau khi cưới và đến khoảng cuối năm 2018 thì trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nguyên nhân chính là do ông D không lo làm ăn, phụ giúp gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, không còn quan tâm đến nhau, làm cho đời sống vợ chồng lâm vào cảnh bế tắc; hơn nữa vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài không gặp nhau để hòa giải đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở khẳng định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể tồn tại hôn nhân mà không có hạnh phúc nên xử cho bà K được ly hôn ông D là phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về con chung: Có 02 cháu, tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/4/2000 và Nguyễn N, sinh ngày 30/4/2003. Cháu T đã trưởng thành, có khả năng lao

động, tự lo được cho bản thân, không có nhu cầu cấp dưỡng. Còn cháu N, ông D đồng ý cho bà K được tiếp tục nuôi con. Vì vậy, xử giao cháu N cho bà K được tiếp tục nuôi dưỡng, là phù hợp với nguyện vọng của Cháu tại bản tự khai ngày 14/5/2020 và quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà K không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bà K chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

[9] Về quan điểm, ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 266, 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Thúy K đối với ông Nguyễn Tiến D.

Xử cho bà K được ly hôn với ông D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn N, sinh ngày 30/4/2003 cho bà K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Tạm thời ông D không phải cấp dưỡng nuôi.

Sau khi ly hôn, bà K, ông D vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông D có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009887 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

3. Bà K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản sao bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Nhon Trạch;
- THADS H.Nhon Trạch;
- UBND xã T,
huyện Nhon Trạch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Mỹ